

Lựa chọn bài tập nâng cao kỹ năng tính toán trong ván đấu cờ vua cho sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội

ThS. Đặng Viết Giới; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Trần Hải

TÓM TẮT:

Đề tài đã tiến hành lựa chọn được 31 bài tập (BT) nâng cao kỹ năng tính toán cho sinh viên (SV) Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Kết quả ứng dụng các BT trên trong 3 tháng đã cho thấy hiệu quả các BT tới kỹ năng tính toán và kết quả học tập môn Cờ Vua của SV.

Từ khóa: tính toán, sinh viên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ABSTRACT:

The project has selected 31 exercises to improve calculation skills for students of Hanoi National University. The results of applying these exercises for 3 months have shown the effectiveness of students' calculation skills and chess results.

Keywords: calculations, students, Hanoi National University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tế giảng dạy Cờ Vua cho đối tượng SV tại ĐHQGHN những năm qua cho thấy, nội dung kiến thức cần trang bị cũng như các kỹ năng cơ bản, trong đó kỹ năng tính toán cần hình thành cho SV trong học tập Cờ Vua còn chưa phù hợp, do là môn học có đặc thù, khác biệt nhất định so với các môn thể thao nên với tâm lý ngại khi học tập và thời lượng chương trình còn ít (30 giờ) nên việc thực hiện tốt nhiệm vụ, yêu cầu của môn học gặp nhiều khó khăn và tồn tại những hạn chế nhất định.

Trong quá trình giảng dạy môn học Cờ Vua cho SV trong những năm qua tại ĐHQGHN, các giảng viên đã xác định được một số BT chuyên môn cho SV để hình thành kỹ năng tính toán, song hầu hết các BT này thuộc nhóm cơ bản và có độ khó chưa thực sự phù hợp với đối tượng SV ĐHQGHN. Vì vậy, việc nghiên cứu lựa chọn một số BT nhằm nâng cao kỹ năng tính toán các phương án trong một trận đấu hoặc trong một tình huống cờ cụ thể theo chương trình môn học



(Ảnh minh họa)

phù hợp với SV ĐHQGHN, để từ đó SV có điều kiện tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ là vấn đề quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Cờ Vua.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài tiến hành nghiên cứu: “*Lựa chọn bài tập nâng cao kỹ năng tính toán trong Cờ Vua cho SV ĐHQGHN*”.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, kiểm tra sự phạm, thực nghiệm sự phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn BT nâng cao kỹ năng tính toán trong Cờ Vua cho SV ĐHQGHN

Qua tham khảo các tài liệu chung và chuyên môn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, qua khảo sát công tác giảng dạy, huấn luyện SV, VĐV Cờ Vua tại các Trung tâm thể thao mạnh, các trường Đại học TDTT có đào tạo SV chuyên sâu Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội,

đề tài đã lựa chọn được 31 BT chuyên môn cơ bản ứng dụng trong giảng dạy, huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng tính toán cho SV ĐHQGHN, đó là các BT:

*** Nhóm BT cờ thế (6 BT):**

- BT 1: BT cờ thế chiếu hết trong 2 nước đi.
- BT 2: BT cờ thế chiếu hết trong 3 nước đi.
- BT 3: BT cờ thế nghệ thuật.
- BT 4: BT cờ thế kỹ thuật.
- BT 5: BT cờ thế chiến thuật.
- BT 6: BT cờ thế chiếu ngược.

*** Nhóm BT đòn phối hợp (3 BT):**

- BT 7: BT đòn chiến thuật.
- BT 8: BT đòn phối hợp theo các chủ đề (15 đòn phối hợp cơ bản).

BT 9: BT phân tích thế cờ theo chủ đề.

*** Nhóm BT tính toán (17 BT):**

BT 10: BT Vua, Mã và 1 Tốt chống Vua, Tượng và Tốt.

BT 11: BT chiếu hết bằng Tượng và Mã.

BT 12: BT Vua, Tượng, Mã và 2 Tốt chống Vua và 1 Mã.

BT 13: BT Vua và Xe chống Vua và 3 Tốt.

BT 14: BT Vua, Xe và 2 Tốt liên kết chống Vua và Xe.

BT 15: BT Vua, Xe và nhiều Tốt chống Vua, Xe và nhiều Tốt cùng cánh.

BT 16: BT Vua và Xe chống Vua, Mã và 2 Tốt.

BT 17: BT Vua và Xe chống Vua, Tượng và 2 Tốt.

BT 18: BT Vua và Hậu chống Vua và 2 Mã.

BT 19: BT Vua, Xe và Tượng chống Vua và Xe.

BT 20: BT xác định nước cờ dự bị.

BT 21: BT tính toán (yêu cầu diễn giải bằng lời).

BT 22: BT phân tích thế cờ (yêu cầu diễn giải bằng lời).

BT 23: BT tính toán theo công thức (yêu cầu diễn giải bằng lời).

BT 24: BT đòn phối hợp (yêu cầu diễn giải bằng lời).

BT 25: BT đánh giá thế trận (yêu cầu diễn giải bằng lời).

BT 26: BT tính toán, phân tích, lập kế hoạch chơi tiếp theo (yêu cầu diễn giải bằng lời).

*** Nhóm BT thi đấu (05 BT):**

BT 27: BT thi đấu theo khai cuộc.

BT 28: BT thi đấu cờ chớp (Blid).

BT 29: BT thi đấu cờ nhanh.

BT 30: BT thi đấu theo tình huống tàn cuộc cho trước.

BT 31: BT thi đấu theo tình huống trung cuộc cho trước.

Với mục đích xác định cơ sở thực tiễn của việc lựa chọn hệ thống các BT, đề tài tiến hành phỏng vấn 30 HLV, các chuyên gia, các giảng viên hiện đang làm công tác giảng dạy - huấn luyện môn Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua hình thức phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi. Kết quả thu được như trình bày tại bảng 1.

Từ bảng 1 cho thấy, cả 31 BT huấn luyện nâng cao kỹ năng tính toán cho đối tượng nghiên cứu mà đề tài đưa ra đều được các ý kiến lựa chọn với số ý kiến chiếm tỷ lệ từ 70.00% trở lên, và phần lớn đều xếp ở mức độ ưu tiên 1. Trong các BT được huấn luyện viên lựa chọn, ít có các BT phối hợp chiến thuật, chiến lược, mà hầu hết chỉ chú trọng các BT kỹ thuật và chiến thuật.

2.2. Xác định hiệu quả hệ thống các BT nâng cao kỹ năng tính toán cho SVĐHQGHN.

2.2.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm.

Việc nghiên cứu ứng dụng các BT để nâng cao kỹ năng tính toán cho đối tượng nghiên cứu được tiến hành trong thời gian 3 tháng ((từ tháng 03/2016 đến tháng 05/2016, tương ứng với thời gian trong chương trình giảng dạy môn học Cờ Vua) tại ĐHQGHN.

Đối tượng thực nghiệm (TN) được chia làm 2 nhóm và được lựa chọn ngẫu nhiên:

- Nhóm TN: Bao gồm 60 SV (20 nam, 40 nữ) trường Đại học Ngoại ngữ (khoa Anh văn) thuộc ĐHQGHN. Nhóm này được áp dụng hệ thống các BT chuyên môn đã được quá trình nghiên cứu của đề tài lựa chọn và xây dựng. Hệ thống các BT này được coi là những BT chính, sắp xếp khoa học trong chương trình giảng dạy và trong từng giáo án của môn học Cờ Vua được ứng dụng vào nhóm TN.

- Nhóm đối chứng (ĐC): bao gồm 60 SV (20 nam, 40 nữ) trường Đại học Ngoại ngữ (khoa Anh văn) thuộc ĐHQGHN. Nhóm này được áp dụng hệ thống các BT chuyên môn đã được xây dựng theo chương trình giảng dạy môn học Cờ Vua của Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao thuộc ĐHQGHN xây dựng.

Trong quá trình TN đề tài tiến hành kiểm tra ban đầu và kiểm tra giai đoạn (sau 15 tiết học - thời điểm giữa TN; sau 30 tiết học - thời điểm cuối TN) theo kế hoạch giảng dạy (trong nội dung bài báo chúng tôi chỉ trình bày kết quả kiểm tra ban đầu và kết thúc TN sư phạm).

Thời gian tập luyện là 02 tiết/1 tuần (theo thời khóa biểu của ĐHQGHN). Thời gian tập từ 90 phút - 105 phút. Tổng số giáo án giảng dạy môn học Cờ

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn hệ thống các BT nâng cao kỹ năng tính toán trong cờ vua cho SV DHQGHN (n = 30)

BT	Số ý kiến lựa chọn		Kết quả phỏng vấn theo mức độ ưu tiên					
			Ưu tiên 1		Ưu tiên 2		Ưu tiên 3	
	n	%	n	%	n	%	n	%
BT 1.	30	100.00	25	83.33	3	10.00	2	6.67
BT 2.	29	96.67	23	79.31	3	10.34	3	10.34
BT 3.	22	73.33	18	81.82	2	9.09	2	9.09
BT 4.	24	80.00	20	83.33	2	8.33	2	8.33
BT 5.	25	83.33	20	80.00	3	12.00	2	8.00
BT 6.	23	76.67	18	78.26	3	13.04	2	8.70
BT 7.	26	86.67	20	76.92	3	11.54	3	11.54
BT 8.	27	90.00	20	74.07	3	11.11	4	14.81
BT 9.	25	83.33	19	76.00	3	12.00	3	12.00
BT 10.	23	76.67	18	78.26	3	13.04	2	8.70
BT 11.	26	86.67	20	76.92	3	11.54	3	11.54
BT 12.	25	83.33	19	76.00	3	12.00	3	12.00
BT 13.	24	80.00	20	83.33	2	8.33	2	8.33
BT 14.	22	73.33	18	81.82	2	9.09	2	9.09
BT 15.	27	90.00	22	81.48	3	11.11	2	7.41
BT 16.	21	70.00	18	85.71	2	9.52	1	4.76
BT 17.	24	80.00	18	75.00	4	16.67	2	8.33
BT 18.	22	73.33	18	81.82	2	9.09	2	9.09
BT 19.	21	70.00	18	85.71	2	9.52	1	4.76
BT 20.	24	80.00	18	75.00	3	12.50	3	12.50
BT 21.	22	73.33	18	81.82	2	9.09	2	9.09
BT 22.	22	73.33	17	77.27	3	13.64	2	9.09
BT 23.	25	83.33	19	76.00	3	12.00	3	12.00
BT 24.	21	70.00	18	85.71	2	9.52	1	4.76
BT 25.	28	93.33	23	82.14	3	10.71	2	7.14
BT 26.	27	90.00	22	81.48	3	11.11	2	7.41
BT 27.	25	83.33	19	76.00	3	12.00	3	12.00
BT 28.	30	100.00	25	83.33	3	10.00	2	6.67
BT 29.	26	86.67	20	76.92	3	11.54	3	11.54
BT 30.	28	93.33	23	82.14	3	10.71	2	7.14
BT 31.	26	86.67	20	76.92	3	11.54	3	11.54

Vua (trong chương trình đào tạo) của chương trình TN sư phạm là 15 giáo án. Thời gian học tập, tập luyện căn cứ vào nội dung, chương trình môn học. Thời gian giảng dạy - huấn luyện nâng cao kỹ năng tính toán được các giảng viên quản lý chặt chẽ trong từng nhóm, loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến công tác giảng dạy, huấn luyện, chỉ còn lại sự tác động của các BT tới từng nhóm nghiên cứu.

Hệ thống các BT lựa chọn được sắp xếp theo tổ hợp 4 nhóm căn cứ vào tác dụng nâng cao kỹ năng tính toán cho đối tượng nghiên cứu. Bên cạnh còn 05 BT thi đấu là BT tổng hợp không xếp thành tổ hợp mà tổ chức theo chương trình kế hoạch giảng dạy chung, và được áp dụng vào thời gian 20 phút cuối của mỗi buổi học lý thuyết và các buổi thực hành.

2.2.2. Kết quả TN sư phạm.

* Kết quả kiểm tra trước TN.

Trước khi tiến hành TN, đề tài tiến hành kiểm tra kỹ năng tính toán trong Cờ Vua thông qua các BT đã lựa chọn nhằm đánh giá mức độ đồng đều giữa 2 nhóm TN và nhóm ĐC. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 2.

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy, kết quả kiểm tra ở các BT lựa chọn giữa 2 nhóm TN và ĐC (ở cả nam và nữ) không có sự khác biệt, $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $p > 0.05$), điều đó chứng tỏ rằng, trước khi tiến hành TN, kỹ năng tính toán của 2 nhóm ĐC và TN là đồng đều nhau.

* Kết quả kiểm tra cuối TN.

Sau thời gian TN 3 tháng, các đối tượng nghiên

Bảng 2. Kỹ năng tính toán của đối tượng nghiên cứu trước TN

TT	BT	Giới tính	Kết quả kiểm tra ($\bar{X} \pm \delta$)		t	p
			Nhóm ĐC ($n_{\text{nam}} = 20,$ $n_{\text{nữ}} = 40$)	Nhóm TN ($n_{\text{nam}} = 20,$ $n_{\text{nữ}} = 40$)		
1	Cờ thể chiếu hết sau 2 nước (điểm)	Nam	4.75±0.38	4.86±0.37	0.810	> 0.05
		Nữ	4.10±0.33	4.15±0.30	0.442	> 0.05
2	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm)	Nam	4.01±0.32	4.10±0.32	0.800	> 0.05
		Nữ	3.78±0.30	3.86±0.28	0.624	> 0.05
3	Tính toán phương án (điểm)	Nam	4.46±0.36	4.56±0.35	0.705	> 0.05
		Nữ	3.92±0.31	4.00±0.29	0.611	> 0.05
4	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	Nam	4.50±0.36	4.60±0.35	0.735	> 0.05
		Nữ	4.23±0.34	4.31±0.31	0.618	> 0.05
5	Cờ tàn kỹ thuật (điểm)	Nam	5.09±0.43	5.20±0.37	0.768	> 0.05
		Nữ	4.35±0.37	4.44±0.31	0.606	> 0.05
6	Cờ tàn phối hợp (điểm)	Nam	4.57±0.37	4.66±0.36	0.669	> 0.05
		Nữ	3.95±0.32	4.02±0.30	0.604	> 0.05
7	Đòn phối hợp (điểm)	Nam	4.86±0.39	4.97±0.38	0.767	> 0.05
		Nữ	4.12±0.33	4.20±0.31	0.617	> 0.05
8	Đòn chiến thuật (điểm)	Nam	4.16±0.33	4.25±0.33	0.755	> 0.05
		Nữ	3.89±0.31	3.97±0.28	0.636	> 0.05
9	Thi đấu Blid 5 phút (điểm)	Nam	4.66±0.37	4.77±0.37	0.774	> 0.05
		Nữ	3.46±0.28	3.53±0.26	0.639	> 0.05
10	Thi đấu ván cờ nhanh 30 phút (điểm)	Nam	3.61±0.29	3.70±0.28	0.804	> 0.05
		Nữ	3.17±0.25	3.23±0.23	0.630	> 0.05

Bảng 3. Kỹ năng tính toán của đối tượng nghiên cứu sau TN

TT	BT	Giới tính	Kết quả kiểm tra ($\bar{X} \pm \delta$)		t	p
			Nhóm ĐC ($n_{\text{nam}} = 20,$ $n_{\text{nữ}} = 40$)	Nhóm TN ($n_{\text{nam}} = 20,$ $n_{\text{nữ}} = 40$)		
1	Cờ thể chiếu hết sau 2 nước (điểm).	Nam	5.23±0.42	5.81±0.47	3.462	< 0.05
		Nữ	4.51±0.36	5.06±0.41	3.292	< 0.05
2	Cờ thể chiếu hết sau 3 nước (điểm).	Nam	4.41±0.37	4.83±0.34	3.079	< 0.05
		Nữ	4.17±0.35	4.60±0.32	3.021	< 0.05
3	Tính toán phương án (điểm).	Nam	4.92±0.41	5.43±0.38	3.397	< 0.05
		Nữ	4.32±0.36	4.81±0.34	3.298	< 0.05
4	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm).	Nam	4.96±0.42	5.50±0.39	3.554	< 0.05
		Nữ	4.66±0.40	5.03±0.35	2.340	< 0.05
5	Cờ tàn kỹ thuật (điểm).	Nam	5.61±0.46	6.11±0.45	2.942	< 0.05
		Nữ	4.79±0.39	5.27±0.39	2.882	< 0.05
6	Cờ tàn phối hợp (điểm).	Nam	5.04±0.42	5.52±0.42	3.034	< 0.05
		Nữ	4.35±0.37	4.86±0.37	3.217	< 0.05
7	Đòn phối hợp (điểm).	Nam	5.35±0.44	5.85±0.41	3.032	< 0.05
		Nữ	4.55±0.37	4.92±0.35	2.416	< 0.05
8	Đòn chiến thuật (điểm).	Nam	4.58±0.39	4.91±0.35	2.350	< 0.05
		Nữ	4.29±0.37	4.68±0.33	2.660	< 0.05
9	Thi đấu Blid 5 phút (điểm).	Nam	5.14±0.42	5.74±0.42	3.813	< 0.05
		Nữ	3.81±0.31	4.22±0.31	3.100	< 0.05
10	Thi đấu ván cờ nhanh 30 phút (điểm).	Nam	3.98±0.34	4.30±0.32	2.545	< 0.05
		Nữ	3.50±0.29	3.81±0.29	2.528	< 0.05

Bảng 4. So sánh kết quả học tập môn học cờ vua của nam SV 2 nhóm ĐC và TN sau TN

Xếp loại	Kết quả xếp loại môn học Cờ Vua		Tổng
	Nhóm TN (n = 20)	Nhóm ĐC (n = 20)	
Tốt	7	2	9
	4.500	4.500	
Khá	8	5	13
	6.500	6.500	
Trung bình	5	13	18
	9.000	9.000	
Tổng	20	20	40
So sánh	$\chi^2_{\text{tính}} = 7.026 > \chi^2_{0.05} = 5.991$ với $P < 0.05$		

cứu đã được trang bị một cách tương đối đầy đủ về năng lực chuyên môn, kỹ - chiến thuật, chiến lược cũng như tâm lý và nâng cao kỹ năng tính toán trong chương trình giảng dạy - huấn luyện môn học Cờ Vua, đề tài tiến hành kiểm tra đánh giá kỹ năng tính toán của đối tượng nghiên cứu ở 2 nhóm TN và ĐC. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy:

- Ở tất cả các nội dung kiểm tra đánh giá kỹ năng tính toán của 2 nhóm TN và ĐC (ở cả nam và nữ) đã có sự khác biệt rõ rệt, $t_{\text{tính}} \text{ đều} > t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $p < 0.05$. Hay nói một cách khác, việc ứng dụng các phương tiện huấn luyện cũng như hệ thống các BT mà đề tài lựa chọn đã tỏ rõ tính hiệu quả trong việc nâng cao kỹ năng tính toán cho SVĐHQGHN.

- Diễn biến thành tích đạt được ở cả 10 BT đánh giá kỹ năng tính toán của nhóm TN tăng lên lớn hơn so với nhóm ĐC, đồng thời nhịp tăng trưởng của nhóm TN cũng lớn hơn so với nhóm ĐC.

Để khẳng định rõ hiệu quả hệ thống các BT đã lựa chọn ứng dụng trong giảng dạy, huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng tính toán trong Cờ Vua cho SV ĐHQGHN, sau khi kết thúc quá trình TN sư phạm, đề tài tiến hành so sánh kết quả học tập môn học Cờ Vua giữa nhóm ĐC và nhóm TN, kết quả thu được

Bảng 5. So sánh kết quả học tập môn học cờ vua của nữ SV 2 nhóm ĐC và TN sau TN

Xếp loại	Kết quả xếp loại môn học Cờ Vua		Tổng
	Nhóm TN (n = 40)	Nhóm ĐC (n = 40)	
Tốt	12	6	18
	9.000	9.000	
Khá	17	11	28
	14.000	14.000	
Trung bình	11	23	34
	17.000	17.000	
Tổng	40	40	80
So sánh	$\chi^2_{\text{tính}} = 7.521 > \chi^2_{0.05} = 5.991$ với $p < 0.05$		

như trình bày ở bảng 4 và bảng 5.

Từ kết quả thu được ở các bảng 4 và 5 cho thấy, khi so sánh kết quả học tập môn học Cờ Vua của 2 nhóm đối tượng nghiên cứu (ở cả nam và nữ) giữa nhóm ĐC và nhóm TN cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về kết quả xếp loại tổng hợp giữa 2 nhóm với $X^2_{\text{tính}} = 7.026$; $7.521 > X^2_{\text{bảng}} = 5.991$ với $p < 0.05$. Điều đó một lần nữa lại khẳng định rõ hiệu quả của hệ thống các BT chuyên môn ứng dụng trong giảng dạy - huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng tính toán cho SV ĐHQGHN mà quá trình nghiên cứu của đề tài đã lựa chọn.

3. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu thu được, đề tài có kết luận sau:

1. Đề tài đã lựa chọn được 31 BT chuyên môn cờ vua nhằm nâng cao kỹ năng tính toán trong Cờ Vua cho SVĐHQGHN thuộc 4 nhóm, đó là: nhóm BT cờ thế (06 BT), Nhóm BT đồn phối hợp (03 BT), Nhóm BT tính toán (17 BT) và Nhóm BT thi đấu (05 BT).

2. Quá trình TN sư phạm trong 3 tháng trên đối tượng là SV Khoa Anh văn, Đại học Ngoại Ngữ, ĐHQGHN cho thấy hiệu quả của các BT đã lựa chọn trong việc nâng cao kỹ năng tính toán và kết quả học tập của đối tượng TN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
 2. Đàm Quốc Chính (1999), *Nghiên cứu sự ảnh hưởng của các hình thức tập luyện Blid đến khả năng tính toán của VĐV Cờ Vua*, Đề tài NCKH cấp trường, trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
 3. Đàm Quốc Chính, Đặng Văn Dũng, Nguyễn Hồng Dương (1999), *Giáo trình Cờ Vua*, Nxb TDTT Hà Nội
- Nguồn bài báo: bài báo được trích từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở tại ĐHQGHN do ThS. Đặng Viết Giới làm chủ nhiệm với tên: "Nghiên cứu lựa chọn một số BT nhằm nâng cao kỹ năng tính toán trong môn học Cờ Vua cho SVĐHQGHN". Đề tài đã được nghiệm thu năm 2016.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/4/2019; ngày phản biện đánh giá: 16/6/2019; ngày chấp nhận đăng: 5/7/2019)